

Số 3600-BC/BCSD

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025,
định hướng đến năm 2030**

Kính gửi: - Thường trực Tỉnh ủy,
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là Nghị quyết số 01-NQ/TU), Ban cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU trong 6 tháng đầu năm 2024, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Nhằm tiếp tục thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành các văn bản triển khai thực hiện.

Ngày 02/4/2024, UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND về việc đẩy mạnh các hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

UBND tỉnh ban hành các kế hoạch: số 222/KH-UBND ngày 20/12/2023 Chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên năm 2024; số 14/KH-UBND ngày 24/01/2024 kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2024; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 22/3/2024 về thực hiện Đề án "Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng, ban hành kế hoạch, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu cơ bản đặt ra đến năm 2025 tại Nghị quyết số 01-NQ/TU gồm 15 chỉ tiêu (*Có phụ lục I Đánh giá các chỉ tiêu kèm theo*).

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ

2.1. Nhận thức số

a) Tuyên truyền về chuyển đổi số

Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết trên địa bàn tỉnh; phổ biến, quán triệt nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Thông tin và Truyền thông tích cực tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh tiếp tục duy trì các chuyên mục, chuyên trang tuyên truyền về chuyển đổi số trên các ấn phẩm báo chí và phương tiện truyền thông. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện tốt việc xây dựng và duy trì đều đặn chuyên mục chuyển đổi số trên trang thông tin của đơn vị.

Các cơ quan báo chí của tỉnh, Trung tâm Thông tin tỉnh, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông cấp huyện tuyên truyền về công tác chuyển đổi số đến các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần nâng cao nhận thức về chuyển đổi số. Phối hợp với các cơ quan báo chí có sức lan tỏa lớn như: Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Truyền hình Quốc hội, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân Dân, Báo VietNamNet, Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC,... kịp thời đưa tin, bài, phóng sự phản ánh đậm nét về Thái Nguyên trong việc triển khai Chương trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Báo Thái Nguyên xây dựng, duy trì nội dung tuyên truyền về chuyển đổi số trên các báo in, báo điện tử. Từ đầu năm đến nay Báo Thái Nguyên đã đăng tải gần 140 tin, bài, ảnh, video, infographic tuyên truyền về chuyển đổi số.

Đài Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên thực hiện tuyên truyền có hiệu quả trên các nền tảng: Trang Thông tin điện tử www.thainguyentv.vn; ứng dụng trên thiết bị điện thoại thông minh App TNTV; Kênh Đài PT-TH Thái Nguyên - TNTV trên YouTube; Kênh TNTV - Đài Phát thanh & Truyền hình Thái Nguyên và Kênh thông tin đối ngoại Dynamic Thai Nguyen trên Facebook; Kênh Tiktok và Kênh ZaloOA Truyền hình Thái Nguyên¹. Chuyên mục Chuyển đổi số được

¹ - Kênh Fanpage Facebook “Đài Phát thanh Truyền hình Thái Nguyên - TNTV” thu hút 265.000 người theo dõi thường xuyên, trung bình 2 triệu lượt xem/ tháng, tiếp cận 3,5 - 5 triệu lượt khán giả/ tháng; tương tác với hàng trăm nghìn lượt thích, chia sẻ.

- Kênh Tiktok “Thainguyen.tv” thu hút 250.000 lượt theo dõi thường xuyên với trên 1,3 triệu lượt xem.

- Kênh Zalo “Truyền hình Thái Nguyên - TNTV” đăng tải 40 sản phẩm báo chí/ tháng.

- Kênh Youtube “Truyền hình Thái Nguyên - TNTV” thu hút 50.000 sub, hơn 4,5 triệu phút xem của khán giả, bước đầu có doanh thu của nền tảng.

- Ứng dụng OTT/TNTV tính đến 27/05/2024 đã có hơn 20.000 thiết bị cài đặt.

đều đặn sản xuất và phát sóng 8 chuyên mục/tháng (4 chuyên mục truyền hình, 4 chuyên mục trên sóng phát thanh).

Trung tâm Thông tin tỉnh đã đăng tải hơn 100 tin, bài, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Chuyên trang chuyển đổi số Thái Nguyên tại địa chỉ chuyendoiso.thainguyen.gov.vn biên tập và đăng tải 476 tin/bài (tăng 71,79% so với cùng kỳ năm 2023).

Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông cấp huyện đã xây dựng chuyên mục Tuyên truyền chuyển đổi số phát sóng định kỳ 01-02 số/tháng. Bên cạnh đó, Đài truyền thanh cấp xã thường xuyên tiếp sóng các chương trình truyền thanh tuyên truyền về chuyển đổi số của cơ sở truyền thanh cấp huyện và các chương trình thời sự của Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh.

Phát huy thế mạnh của mạng xã hội trong công tác truyền thông, các cơ quan báo chí, tuyên truyền của tỉnh đã đăng tải hàng trăm tin, bài, phóng sự, video trên các ứng dụng như Zalo, Facebook, YouTube, Tiktok... để truyền tải thông tin liên quan đến chuyển đổi số, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của các tầng lớp Nhân dân và doanh nghiệp trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU.

b) Kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia" trên Zalo

Kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia" trên ứng dụng Zalo tiếp tục được phổ biến, sử dụng để cập nhật các thông tin mới nhất về chuyển đổi số tới đông đảo mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

2.2. Hạ tầng số

Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh phát triển hạ tầng số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023-2025; tập trung hướng dẫn các doanh nghiệp Viễn thông xây dựng các trạm BTS theo quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động.

a) Tốc độ truy cập mạng băng rộng trên địa bàn tỉnh: Chỉ số tải xuống (download) ở mạng di động băng rộng: 45 Mbps. Chỉ số đối với mạng cố định băng rộng: 87 Mbps.

b) Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 90%; tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh đạt 97%; tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập internet băng rộng cáp quang đạt 76%.

c) Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện tại có 07 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông; 1.830 điểm thu phát sóng điện thoại di động (trạm BTS).

Tổng số thuê bao điện thoại cố định là 18.519 thuê bao (giảm 6% so với cùng kỳ năm 2023), các thuê bao này chủ yếu các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khai thác, sử dụng; tổng số thuê bao điện thoại di động là 1.567.705 thuê bao (giảm 12% so với cùng kỳ năm 2023), đạt 117 thuê bao/100 dân. Trong tổng số 1.567.705 thuê bao điện thoại di động có 1.182.686 thuê bao có sử dụng dịch vụ 3G/4G (tăng 9% so với cùng kỳ năm 2023); tổng số thuê bao truy nhập

internet cố định băng rộng cáp quang cho hộ gia đình là 257.887 thuê bao (tăng 5% so với cùng kỳ năm 2023), đạt 76 thuê bao/100 hộ gia đình; tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định cáp quang đạt 100%.

Số lượng thuê bao truy nhập internet băng rộng (cả cố định và di động) là 1.456.969 thuê bao (tăng 9% so với cùng kỳ năm 2023).

d) Tỷ lệ dân số thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng 3G/4G đạt 99,8%. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có 09 thôn, bản chưa có sóng di động 3G/4G, nguyên nhân do địa hình núi cao, hiểm trở khó lắp đặt trạm phát sóng.

đ) Việc triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số: đã thực hiện cập nhật được 361.315 địa chỉ, trong đó 279.102 địa chỉ được cập nhật từ cơ sở dữ liệu của hệ thống, 82.213 địa chỉ cấp mới; đạt tỷ lệ 99,7% việc gán mã địa chỉ số cho đối tượng nhà ở cá nhân, hộ gia đình.

2.3. Nhân lực số

a) Đào tạo kỹ năng số cho cán bộ công chức, viên chức

Tiếp tục triển khai Kế hoạch 238/KH-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh về đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ và kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025. Chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định và hoạch định chính sách; kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng CNTT và an toàn thông tin.

Triển khai các khóa bồi dưỡng và chuyển đổi số cho 78 học viên là thành viên tổ giúp việc Ban chỉ đạo chuyển đổi số, nhân sự chuyển đổi số Sở Thông tin và Truyền thông, nhân sự chuyển đổi số của các cơ quan báo chí theo Công văn số 6106/BTTTT-CĐSQG ngày 08/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số.

b) Về đào tạo nhân lực chuyên ngành Thông tin và Truyền thông, trong đó số khoa, số chương trình đào tạo ngành thông tin và truyền thông: 3 khoa (Công nghệ Thông tin; Công nghệ Điện tử và Truyền thông; Truyền thông Đa phương tiện) với 18 chương trình đào tạo².

2.4. An toàn, an ninh mạng

a) Công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá, giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng cho các hệ thống phục vụ chính quyền điện tử, chính quyền số tiếp tục được tăng cường. Tổ chức giám sát an toàn thông tin 24/7 cho các Hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh. Công tác giám sát, trực vận hành SOC được thực hiện 24/7. Từ 01/01/2024-26/5/2024, Hệ thống phát hiện 16.544.448 lượt truy vấn đến hệ hống, ngăn chặn 101.651 IP có hành vi truy vấn trái phép.

² CNTT CLC; Kỹ thuật phần mềm - KNU; Công nghệ Thông tin; An toàn thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Hệ thống thông tin; Khoa học máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ truyền thông; Truyền thông đa phương tiện; Quản trị kinh doanh số; Marketing số; Thương mại điện tử; Tin học kinh tế, Thiết kế đồ họa, Công nghệ thông tin quốc tế.

Loại bỏ 63.605, chặn và xử lý 383 thư chứa mã độc. Hệ thống phần mềm diệt virus Kaspersky cài đặt trên các máy chủ: Phát hiện 14 máy nhiễm mã độc, phát hiện và loại bỏ 157 loại mã độc. Giám sát cảnh báo trên các máy tính cá nhân của CBCCVC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh: Phát hiện, loại bỏ mã độc trên 1207 máy tính; phát hiện 1.486 lỗ hổng phần mềm, ngăn chặn 114 kết nối nguy hiểm.

b) Tổng số hệ thống thông tin của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện của tỉnh Thái Nguyên: 57 hệ thống thông tin. Trong đó, số hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ/tương ứng với tỷ lệ trên tổng số hệ thống thông tin: 51/57 hệ thống/đạt tỉ lệ: 89,47%.

Số lượng hệ thống thông tin đã triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt/tương ứng với tỉ lệ phần trăm trên tổng số HTTT được phê duyệt: 38/57 hệ thống/tương ứng tỉ lệ 66,66%.

c) Triển khai phần mềm phòng chống mã độc tập trung (AV) và giải pháp phát hiện, phản ứng lại sự cố (EDR) cho các máy trạm của các cơ quan nhà nước trên địa bàn toàn tỉnh: Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Công ty cổ phần BKAV triển khai miễn phí phần mềm phòng chống mã độc tập trung (AV) và giải pháp phát hiện, phản ứng lại sự cố (EDR) cho tỉnh Thái Nguyên trong. Đến nay, Hệ thống quản lý tập trung tại Trung tâm SOC tỉnh Thái Nguyên ghi nhận 2.597 máy tính của các cơ quan tổ chức nhà nước được cài đặt và chia sẻ dữ liệu mã độc.

2.5. Chính quyền số

a) Các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí hoạt động, đổi mới phương thức làm việc

- Hệ thống Quản lý văn bản đi đến và điều hành tỉnh Thái Nguyên: Hệ thống đã triển khai tại 48 sở, ban, ngành; 08 đơn vị cấp huyện (thành phố Thái Nguyên sử dụng hệ thống riêng) và 100% xã/phường trực thuộc với tổng số 12.026 tài khoản người dùng.

- Đến ngày 26/5/2024, đã cấp 9.336 chứng thư số của Ban Cơ yếu Chính phủ (gồm 662 chứng thư số tổ chức và 8.674 chứng thư số cá nhân) cho các cơ quan, đơn vị và công chức, viên chức trên địa bàn toàn tỉnh. Bảo đảm trang bị 100% chứng thư số chuyên dùng Chính phủ cho cán bộ một cửa và cán bộ tham gia giải quyết thủ tục hành chính.

- Tiếp tục thực hiện thuê dịch vụ CNTT đối với 03 hệ thống nền tảng là Cổng thông tin điện tử; Mạng truyền số liệu chuyên dùng; Hội nghị truyền hình bảo đảm liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã và ngược lại. Số cuộc họp trực tuyến đã thiết lập tính từ ngày 01/01/2024 đến nay là hơn 48 cuộc họp, phục vụ kịp thời, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền.

- Hệ thống thư điện tử tại địa chỉ: <http://mail.thainguyen.gov.vn>, đã cấp 16.695 hòm thư điện tử cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; dung

lượng mỗi hòm thư được cấp có kích thước tối đa 5Gb; kích thước tập tin tối đa cho phép đính kèm trong hệ thống thư điện tử dùng chung của tỉnh là 20MB.

- Công/trang thông tin điện tử: 100% các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và 177 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh được duy trì và vận hành ổn định.

- Sổ tay Đảng viên điện tử (STĐVĐT) được quản lý, vận hành theo Quy chế số 12-QC/TU ngày 19/5/2022 của Tỉnh ủy. Đến nay, STĐVĐT đã được triển khai đồng loạt tại 16 Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy. Đã có trên 30 tỉnh/thành trên cả nước đến học tập kinh nghiệm trong việc tổ chức triển khai ứng dụng STĐVĐT. Kết quả triển khai đến nay:

+ Tổng số đảng viên đã cài đặt, đăng ký thành công/Tổng số đảng viên của toàn Đảng bộ tỉnh đạt **88.020/98.408 (đạt 89,44%)**. Số đảng viên chưa cài đặt gồm các trường hợp: đảng viên dự bị, đảng viên được miễn sinh hoạt, đảng viên không sử dụng điện thoại thông minh (chiếm 9,26%); đảng viên tại các Đảng bộ có tính đặc thù như quân sự, công an (chiếm 1,3%).

+ Ứng dụng STĐVĐT đã có 675 văn bản, tài liệu trên hệ thống; biên soạn và dẫn nguồn 748 tin bài. Đến nay, đã có 1.859.665 lượt truy cập vào ứng dụng (trung bình có 77.486 lượt/tháng, 2.582 lượt/ngày).

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 04 cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn; kết nối thông suốt đến 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên toàn tỉnh; phục vụ an toàn, kịp thời các phiên họp trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Hoàn thành triển khai hạ tầng kết nối, giám sát mạng truyền số liệu chuyên dùng đối với 36 kênh cấp tỉnh, huyện và 177/177 kênh cấp xã, phường.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) tiếp tục được phát triển và khai thác hiệu quả để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Từ 01/01/2024 đến ngày 25/5/2024, tổng số giao dịch thực hiện thông qua LGSP là hơn 888.000 giao dịch (lũy kế đến nay hơn 5.500.000 giao dịch).

b) Kết quả triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phối hợp số 93/KHPH-TCTĐA06-UBND ngày 30/6/2023 về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án 06/CP tại tỉnh Thái Nguyên. Đã hoàn thành tích hợp 25/25 dịch vụ công thiết yếu (theo Đề án 06) trên Cổng dịch vụ công quốc gia, kết nối liên thông đến Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thái Nguyên, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chia sẻ, khai thác dữ liệu, phục vụ công tác giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công của tỉnh. Đối với 28 dịch vụ công thiết yếu tại Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ: đã thực hiện cập nhật, hoàn thành tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên, kết nối với Cơ sở dữ liệu

quốc gia về dân cư để khai thác dữ liệu theo đúng tiến độ của các bộ, ngành, trung ương.

- Về nhóm phục vụ phát triển công dân số: Đến nay đã thu nhận 1.163.038 hồ sơ cấp CCCD gắn chip (cả thường trú và tạm trú)³. Về cấp tài khoản định danh điện tử: Đến ngày 15/4/2024 đã thu nhận 822.099 tài khoản định danh điện tử mức 2, đã kích hoạt 786.370 tài khoản, đạt tỷ lệ kích hoạt 96%.

- Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 27/5/2024 tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 78,72%; tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 76,45%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hoá 77,21%.

Tiếp tục triển khai tích hợp thông tin bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) vào thẻ căn cước công dân (CCCD) gắn chip và ứng dụng VNeID. Tổng số cơ sở khám chữa bệnh BHYT đã có người tham gia BHXH, BHYT đến khám chữa bệnh BHYT bằng CCCD: 221/221 cơ sở. CSDL quốc gia về Bảo hiểm xã hội: đến nay, toàn tỉnh có 529.500 tài khoản giao dịch điện tử cá nhân được phê duyệt (tài khoản dùng trên ứng dụng VssID và cổng DVC BHXH Việt Nam). Đã rà soát, làm sạch được 1.258.423/1.263.703 người tham gia BHXH, BHYT (không bao gồm lực lượng vũ trang, người làm công tác cơ yếu, người có quốc tịch nước ngoài), đạt 99,58%.

Triển khai tạo tài khoản an sinh chi trả chính sách xã hội: Tổng số đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh đã được tạo tài khoản là 72.554 đối tượng đạt 89%: trong đó: số tài khoản đối tượng người có công là 16.310/19.250 đối tượng đạt 85,4%, đối tượng Bảo trợ xã hội là 38.114/41.348 đối tượng 91,5%, đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo là 18.130 đối tượng 92%.

CSDL hộ tịch điện tử từ 01/01/2021 đến 19/5/2024 có 194.099 sự kiện hộ tịch phát sinh trên hệ thống hộ tịch điện tử. Riêng từ 01/01/2024 đến 19/5/2024, trên địa bàn tỉnh có 14.770 sự kiện hộ tịch phát sinh trên hệ thống hộ tịch điện tử⁴ (bằng 76,6% so với cùng kỳ năm 2023).

c) Tình hình, kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến

Tình hình xử lý hồ sơ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ 01/01/2024 đến 27/5/2024 đã tiếp nhận 275.540 hồ sơ; đã xử lý 262.969 hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt **99,63%** (*Chi tiết Kết quả xử lý hồ sơ của các sở, ngành, địa phương tại Phụ lục II; Tổng hợp tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình tại Phụ lục III kèm theo*).

d) Kết quả triển khai Ứng dụng công dân số C-ThaiNguyen

³ Đến ngày 27/5/2023, Công an tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành cấp 100% CCCD gắn chip cho những người đủ điều kiện trên địa bàn (sớm hơn 65 ngày so với chỉ đạo của Bộ Công an).

⁴ Trong đó: khai sinh 6.186 trường hợp; khai tử: 3.052 trường hợp; kết hôn: 2.580 cặp; nhận nuôi con nuôi: 16 trường hợp; thay đổi hộ tịch: 73 trường hợp; bổ sung thông tin hộ tịch: 62 trường hợp; cải chính hộ tịch: 104 trường hợp; đăng ký nhận cha mẹ con: 41 trường hợp; xác định lại dân tộc: 0 trường hợp; ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác: 20 trường hợp; xác định tình trạng hôn nhân: 2.619 trường hợp, giám hộ: 17 trường hợp

- Số lượng tải ứng dụng C-ThaiNguyen đến nay: 337.468 lượt tải. Số người đăng ký tài khoản trên hệ thống là 107.122 tài khoản (6 tháng đầu năm 2024 đăng ký hơn 694 tài khoản).

- Số thông tin đăng tải trên C-ThaiNguyen trong 6 tháng đầu năm 2024 là 138 tin (lũy kế đến nay đã đăng tải 932 tin). Số phản ánh đến nay đã tiếp nhận là 3.416 phản ánh⁵ (trong 6 tháng đầu năm 2024 là 315 phản ánh).

2.6. Kinh tế số

a) Tổng doanh thu kinh tế số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên: ước tính doanh thu 6 tháng đầu năm 2024 khoảng 389 nghìn tỷ đồng. Trong đó: doanh thu ngành sản xuất các sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học ước đạt 370,3 nghìn tỷ đồng; doanh thu ngành sản xuất thiết bị điện ước đạt 18,85 nghìn tỷ đồng⁶.

b) Về hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền: Cục Thuế Thái Nguyên đã tập trung triển khai đối với các lĩnh vực như ăn uống, nhà hàng, khách sạn....để các cơ sở kinh doanh này áp dụng phát hành hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền và đạt được kết quả cao. Tính đến 25/3/2024, toàn ngành Cục Thuế Thái Nguyên đã hoàn thành triển khai, đôn đốc việc lắp đặt thiết bị để phát hành hóa đơn điện tử đối với hoạt động bán lẻ xăng dầu với 100% doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh. Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên tiếp tục mở rộng rà soát các cơ sở kinh doanh thuộc các lĩnh vực đặc thù khác.

c) Dịch vụ Mobile Money: đến nay có hơn 505.000 khách hàng⁷ với trên 9.300 điểm chấp nhận thanh toán.

d) Khu Công nghệ thông tin tập trung Yên Bình, tỉnh Thái Nguyên

Ngày 08/12/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình. Đến nay, Đồ án quy hoạch đã thực hiện xong. Đang thực hiện xin ý kiến Bộ Giao thông vận tải về đầu nối quy hoạch dự án vào đường vành đai V để thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

2.7. Xã hội số

a) Chuyển đổi số trong ngành Y tế

- Chia sẻ, kết nối dữ liệu dân cư quốc gia: 100% các cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh (KBCB) bảo hiểm y tế (BHYT) đã thực hiện tiếp nhận thông tin khám chữa bệnh BHYT bằng căn cước công dân (CCCD) gắn chip điện tử (224 cơ sở)⁸.

⁵ Trong đó phản ánh đã xử lý là 1837 phản ánh; số phản ánh đã phân phối và đang chờ xử lý là 176 phản ánh; 868 phản ánh chưa đủ điều kiện tiếp nhận và 535 phản ánh hủy do không đủ điều kiện tiếp nhận và không thuộc thẩm quyền xử lý.

⁶ Theo Công văn số 363/CTK-TKKT ngày 21/5/2024 của Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên.

⁷ Trong đó, Viettel Money có trên 402.000 khách hàng; VNPT Money có trên 103.000 khách hàng.

⁸ Đã có 1.497.788 lượt tra cứu căn cước công dân (CCCD) và 1.330.282 lượt tra cứu thành công (số lượt không thành công là do dữ liệu BHYT chưa tích hợp trên CCCD, quá trình xác thực CCCD thay thế BHYT còn bị lỗi).

- Phần mềm y tế cơ sở tuyến xã: 177/177 trạm y tế sử dụng phần mềm quản lý 18 chương trình y tế theo Quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12/8/2020 của Bộ Y tế quy định về xây dựng và triển khai hệ thống thông tin quản lý trạm y tế xã, phường, thị trấn.

- Hệ thống liên thông dược, đơn thuốc quốc gia⁹: tính đến 15/5/2024 đã có 2.297.448 đơn thuốc liên thông lên hệ thống đơn thuốc quốc gia (Dự ước đến 30/6/2023 sẽ có 2,5 triệu đơn thuốc liên thông).

- Hồ sơ sức khỏe điện tử: có 205/213 cơ sở khám chữa bệnh thực hiện kết nối liên thông; 3.296.058 hồ sơ khám, chữa bệnh liên thông lên hệ thống; 1.057.207/1.318.208 người dân trong tỉnh có hồ sơ sức khỏe (chiếm 80,2%).

- Cập nhật dữ liệu liên thông dịch vụ công quốc gia: đến ngày 15/5/2024: có 13/13 cơ sở khám chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe đối với người lái xe với 40.233 kết quả khám sức khỏe lái xe đã liên thông; 15 cơ sở KCB với 28.659 giấy chứng sinh đã liên thông; 05 đơn vị liên thông 65 giấy báo tử.

- Bệnh viện C Thái Nguyên đã triển khai sử dụng và lưu trữ Hồ sơ bệnh án điện tử (là bệnh viện thứ 82 trên cả nước thực hiện nội dung này).

b) Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt

- Có 29 chi nhánh Ngân hàng thương mại, 106 phòng giao dịch, 273 máy ATM và 2.274 máy POS được phân bổ rộng khắp trong toàn tỉnh. Số lượng giao dịch thanh toán qua kênh Internet/ATM/POS lũy kế đạt trên 6,6 triệu giao dịch, giá trị giao dịch đạt trên 66 nghìn tỷ đồng¹⁰. Số lượng tài khoản thanh toán đạt hơn 2,2 triệu tài khoản.

- Triển khai Chợ 4.0, Chợ thanh toán không dùng tiền mặt: toàn tỉnh đã triển khai 107 chợ (đạt 100% các chợ đủ điều kiện triển khai).

c) Chuyển đổi số trong giáo dục: Ngành giáo dục hiện sử dụng một số nền tảng dạy học trực tuyến. Tổng số có 5.795.152 tiết dạy học trực tuyến đã thực hiện¹¹; Tỷ lệ các trường phổ thông có tổ chức học trực tuyến tính đến thời điểm báo cáo đạt 100%, tuy nhiên tỉ trọng nội dung triển khai dưới hình thức trực tuyến ở bậc tiểu học chiếm 2,34 % (mục tiêu đến 2025 đạt 5%); tỉ trọng nội dung triển khai dưới hình thức trực tuyến ở bậc trung học chiếm 5,84% (mục tiêu đến 2025 đạt 10%). Đã cấp 204 chứng thư số sử dụng giải pháp ký số tập trung của Ban Cơ yếu chính phủ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành sử dụng trong hoạt động chuyên môn của ngành giáo dục.

⁹ Cấp mã liên thông cho 100% công ty, nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc đã liên thông phần mềm dược quốc gia (1360 cơ sở), triển khai cấp mã định danh cho 226 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và 1.392 mã định danh bác sỹ, y sỹ để thực hiện liên thông đơn thuốc điện tử với hệ thống đơn thuốc quốc gia.

¹⁰ Trong đó: số lượng giao dịch thanh toán qua kênh Internet lũy kế đạt trên 5,3 triệu giao dịch, giá trị giao dịch đạt trên 44 nghìn tỷ đồng. số lượng giao dịch thanh toán qua kênh ATM/POS lũy kế đạt trên 1,3 triệu giao dịch, giá trị giao dịch đạt trên 22 nghìn tỷ đồng.

¹¹ Trong đó: các trường cấp THCS có 917.363 tiết, cấp THPT có 226.594 tiết, TTGDNN-GDTC có 25.595 tiết, các trường tiểu học có 4.625.600 tiết.

d) Ứng dụng du lịch thông minh: Tiếp tục duy trì Cổng thông tin du lịch thông minh tỉnh Thái Nguyên, bao gồm: Website (mythainguyen.vn), ứng dụng (Thai Nguyen Tourism)¹² hoạt động trên các thiết bị di động, đã được tích hợp trên C-ThaiNguyen và kết nối với gần 40 Cổng thông tin du lịch các tỉnh, thành phố.

Hệ thống bảo tàng ảo quản lý hồ sơ tài liệu, hiện vật, phục vụ tham quan online, quảng bá hình ảnh của bảo tàng qua môi trường mạng, phục vụ, đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu của công chúng.... Hiện nay, đã số hoá 3D hiện vật thể khối là 990 đơn vị hiện vật, số hoá 2D tài liệu hiện vật giấy là 1.445 đơn vị hiện vật; số hóa 03 phòng trưng bày¹³.

đ) Ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực Giao thông, vận tải: Hiện nay, Sở Giao thông vận tải đang vận hành và triển khai 04 phần mềm được Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao (phần mềm Quản lý giấy phép lái xe, Dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực vận tải, Hệ thống khai thác và xử lý dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, Hệ thống quản lý bến xe) và 04 phần mềm do Sở Giao thông vận tải xây dựng (phần mềm nội bộ quản lý xe tập lái, phần mềm nội bộ quản lý giáo viên thực hành lái xe, phần mềm quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng, phần mềm thu phí, lệ phí thi sát hạch lái xe; cấp, đổi giấy phép lái xe tích hợp biên lai điện tử).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả nổi bật

Theo Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử được đánh giá trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đến thời điểm tháng 5/2024 tỉnh Thái Nguyên đạt 83,08/100 điểm, xếp thứ 03/63 tỉnh, thành phố.

Với sự chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU, sự vào cuộc tích cực của các sở, ngành, đoàn thể, địa phương, công tác chuyển đổi số của tỉnh tiếp tục đạt được những kết quả tích cực; các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số được tăng cường, lan tỏa và tác động tích cực đến đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động và toàn xã hội; các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần thay đổi phương thức, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, điều hành của cơ quan Nhà nước.

¹² Cập nhật: 121 khách sạn, 61 điểm đến, 47 điểm giải trí, 120 nhà hàng, 22 điểm mua sắm trên toàn tỉnh Thái Nguyên. Thu hút trên 3 triệu lượt truy cập, trên 21 nghìn lượt người tải App.

¹³ Các chuyên đề: Bác Hồ với Thái Nguyên; Di sản Văn hóa Thân Sa và Tiềm năng thiên nhiên Thái Nguyên; Không gian Văn hóa Trà Tân Cương.

Công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh thông tin trên môi trường mạng đã được tỉnh Thái Nguyên tăng cường triển khai thực hiện theo lộ trình xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh. Các nhiệm vụ Đề án 06 được tích cực triển khai; chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức, kỹ năng số giúp người dân chủ động, tích cực sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tiếp cận các nền tảng số, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Khó khăn, hạn chế

- Người dân tại một số khu vực nông thôn, miền núi trong tỉnh còn hạn chế về kỹ năng số.

- Một số cơ quan, tổ chức được giao quản lý, vận hành hệ thống thông tin chưa xác định hồ sơ đề xuất cấp độ là phương án tổng thể bảo đảm an toàn thông tin ở góc độ quản lý và kỹ thuật.

- Nguồn lực thực hiện đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, an toàn thông tin còn hạn chế. Một số cơ quan, đơn vị chưa có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, cán bộ được giao nhiệm vụ tham mưu, giúp việc về chuyển đổi số, Đề án 06 chủ yếu là kiêm nhiệm, do vậy còn hạn chế về kinh nghiệm trong triển khai, thực hiện và tham mưu.

- Đối với hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm dữ liệu tỉnh: Theo hướng dẫn tại Công văn số 708/BTTTT-CATTT ngày 02/3/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, thay thế nội dung về an toàn, an ninh mạng tại Hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0) bổ sung thêm một số tiêu chí mới do đó, một số thiết bị, giải pháp cần phải nghiên cứu xác định quy mô, nội dung đầu tư bổ sung và chuẩn bị nguồn lực (kinh phí, nhân lực).

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

1. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Chuyển đổi số quốc gia, Bộ Thông tin và Truyền thông, Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU, Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 của UBND tỉnh.

2. Tập trung triển khai Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2024.

3. Thực hiện nâng cấp, mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, an toàn thông tin để đáp ứng yêu cầu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, số hóa tài liệu phục vụ Đề án 06, đảm bảo an toàn thông tin khi kết nối, chia sẻ dữ liệu hệ với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ công an.

4. Xây dựng, triển khai Chiến lược dữ liệu tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 theo Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030.

5. Tiếp tục triển khai các hoạt động đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ và kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, các đối tượng khác theo kế hoạch, yêu cầu. Phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng trong việc tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các kỹ năng số phục vụ nhu cầu thiết yếu.

6. Hoàn thiện hệ thống Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh kết nối với hệ thống của trung ương phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

7. Rà soát, tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin của tỉnh; hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp độ đối với các hệ thống thông tin theo quy định.

8. Đẩy mạnh triển khai các nền tảng xã hội số tỉnh Thái Nguyên.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Ban cán sự đảng UBND tỉnh trân trọng báo cáo./. *Tua*

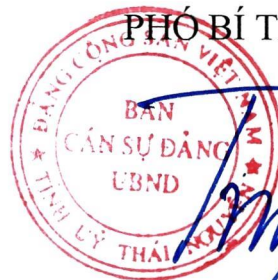
Nơi nhận:

- Như trên,
- Thành viên BCSD UBND tỉnh,
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- Sở Thông tin và Truyền thông,
- LĐVP UBND tỉnh,
- Lưu: VT, KGVX, TH.

Thaidh/BC.T6

T/M BAN CÁN SỰ ĐẢNG

PHÓ BÍ THƯ



Đặng Xuân Trường



PHỤ LỤC I

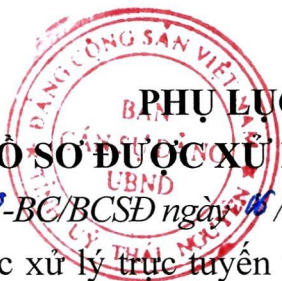
ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 01-NQ/TU

(Kèm theo Báo cáo số 3600-BC/BCSD ngày 06/6/2024 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả ước tính đến nay	Đánh giá
I	Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động		
1	Trên 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	100%	Đạt
2	Trên 90% tổng số hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; trên 80% tổng số hồ sơ công việc tại cấp huyện và trên 60% tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ những tổng số hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	90% tổng số hồ sơ tại cấp tỉnh; 65% hồ sơ tại cấp huyện; 40% tổng số hồ sơ tại cấp xã	Đạt
3	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung.	100%	Đạt
4	100% cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.	100%	Đạt
5	Trên 50% các hoạt động kiểm tra của các cơ quan QLNN được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 02/4/2024 về việc đẩy mạnh các hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý. Các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh đã ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện.	Đang thực hiện

6	Phân đầu đến hết năm 2021, có trên 80% các dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	100% các dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	Đạt
7	Tập trung đầu tư xây dựng 3 đô thị thông minh, gồm: Thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công và thành phố Phổ Yên	Đầu tư Trung tâm Điều hành thông minh thành phố Thái Nguyên; thí điểm tại thành phố Sông Công và thành phố Phổ Yên	Đạt
II	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế		
8	Phân đầu kinh tế số chiếm trên 20% GRDP	Theo Thông cáo báo chí kết quả biên soạn chỉ tiêu tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP, GRDP ở Việt Nam ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng Cục thống kê: Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP của tỉnh Thái Nguyên năm 2023 là 31,4%, đứng thứ 3/61 tỉnh, thành phố cả nước.	Đạt
9	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%	(chưa có hướng dẫn cụ thể phương pháp tính từ các cơ quan trung ương)	Chưa đánh giá
10	Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 7%	Năng suất lao động bình quân chung toàn tỉnh năm 2022 tăng 11,3% so với năm 2021	Đạt
11	Phân đầu có trên 700 doanh nghiệp số	Toàn tỉnh hiện có 324 Doanh nghiệp công nghệ số theo thống kê số liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông. Triển khai cho trên 5.000 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp cận với các nền tảng số	Đạt
III	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số		
12	Hạ tầng mạng băng thông rộng cấp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã, trên 80% hộ gia đình	<i>Đạt 100% đơn vị hành chính cấp xã. Đạt 76% hộ gia đình có cáp quang băng thông rộng</i>	Đạt

13	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh	Đang triển khai <i>(Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 90%; Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh đạt 97%)</i>	Đạt
14	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%	Cả tỉnh đang có hơn 2,2 triệu tài khoản	Đạt
15	Tỉnh Thái Nguyên thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng.	<i>Năm 2022 đứng thứ 5/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cả nước</i>	Đạt



PHỤ LỤC II

TỔNG HỢP TỶ LỆ HỒ SƠ ĐƯỢC XỬ LÝ TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH

(Kèm theo Báo cáo số 3600-BC/BCSD ngày 14/6/2024 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh)

1. Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình đối với các sở, ban, ngành (số liệu từ 01/01/2024 đến 06/6/2024) đạt **98,7%**, cụ thể:

TT	Đơn vị	Số hồ sơ DVCTTTT được xử lý trực tuyến	Số hồ sơ DVC TTTT được xử lý trực tiếp	Tổng số hồ sơ DVC TTTT (xử lý trực tuyến và trực tiếp) (1)+(2)	Tỷ lệ hồ sơ được xử lý TTTT(%) (1)/(3)*100
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Sở Nội vụ	213	0	213	100
2	Sở Ngoại vụ	6	0	6	100
3	Sở Khoa học và Công nghệ	122	0	122	100
4	Sở Tài Nguyên và Môi trường	27.875	73	27.948	99,74
5	Sở Kế hoạch Đầu tư	0	0	0	0
6	Sở Xây dựng	507	12	519	97,69
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	145	0	145	100
8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.088	5	1.093	99,54
9	Sở Y tế	576	0	576	100
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	303	0	303	100
11	Sở Công thương	14.744	0	14.744	100
12	Sở Tư pháp	7.508	6	7.514	99,92
13	Sở Giao thông vận tải	351	598	949	36,99
14	Sở Thông tin và Truyền thông	46	0	46	100
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	60	0	60	100
16	Sở Tài chính	224	0	224	100
17	Thanh tra tỉnh	0	0	0	0
18	Ban Dân tộc	0	0	0	0
19	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	75	0	75	100
Tổng		53.843	694	54.537	98,7

2. Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình đối với các huyện, thành phố (số liệu từ 01/01/2024 đến 06/6/2024) đạt **95,6%**, cụ thể:

TT	Đơn vị	Số hồ sơ DVC TTTT được xử lý trực tuyến	Số hồ sơ DVC TTTT được xử lý trực tiếp	Tổng số hồ sơ DVC TTTT(xử lý trực tuyến và trực tiếp) (1)+(2)	Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình(%) (1)/(3)*100
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>
1	Thành phố Thái Nguyên	7.000	172	7.172	97,6
2	Thành phố Sông Công	1.381	10	1.391	99,3
3	Thành phố Phổ Yên	3.029	159	3.188	95
4	Huyện Phú Bình	1.963	199	2.162	90,8
5	Huyện Đồng Hỷ	1.607	55	1.662	96,7
6	Huyện Phú Lương	2.436	42	2.478	98,3
7	Huyện Đại Từ	2.505	430	2.935	85,3
8	Huyện Võ Nhai	1.082	30	1.112	97,3
9	Huyện Định Hóa	3.134	10	3.144	99,7
Tổng		24.137	1.107	25.244	95,6



PHỤ LỤC III
THỐNG KÊ TÌNH HÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ CỦA CÁC CƠ QUAN
(Kèm theo Báo cáo số 3600-BC/BCSD ngày 06/6/2024 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Tổng hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						
		Tổng số	Trong đó		Kỳ trước chuyên sang	Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ đang giải quyết		
			Trực tiếp, qua BCCI	Trực tuyến		Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
1	Sở Nội vụ	267	217	0	50	259	207	52	0	8	8	0
2	Sở Ngoại vụ	6	6	0	0	5	4	0	1	1	1	0
3	Sở Khoa học và Công nghệ	170	169	0	1	157	125	32	0	13	13	0
4	Sở Tài Nguyên và Môi trường	50.718	41.029	4.362	5.327	45.068	29.917	14.719	432	5.650	5.619	31
5	Sở Kế hoạch Đầu tư	2	1	0	1	2	1	0	1	0	0	0
6	Sở Xây dựng	1.372	538	158	676	1.291	1.216	73	2	81	81	0
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	205	197	0	8	196	167	29	0	9	9	0
8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	3.106	1.095	1.623	388	2.572	2.516	56	0	534	534	0
9	Sở Y tế	1.587	1.480	17	90	1.406	1.389	17	0	181	181	0
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	376	376	0	0	341	274	67	0	35	35	0
11	Sở Công thương	14.884	14.861	7	16	14.835	4.028	10.807	0	49	49	0
12	Sở Tư pháp	12.260	7.523	3.096	1.641	10.407	4.810	5.525	72	1.853	1.851	2
13	Sở Giao thông vận tải	1.079	352	720	7	992	362	625	5	87	86	1
14	Sở Thông tin và Truyền thông	55	53	0	2	51	50	1	0	4	4	0
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	11.570	11.552	0	18	11.486	10.841	645	0	84	84	0
16	Sở Tài chính	225	224	0	1	223	199	24	0	2	2	0

TT	Tên đơn vị	Tổng hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						
		Tổng số	Trong đó		Kỳ trước chuyển sang	Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ đang giải quyết		
			Trực tiếp, qua BCCI	Trực tuyến		Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
17	Thanh tra tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Ban Dân tộc	6	4	0	2	6	6	0	0	0	0	0
19	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	105	102	0	3	104	84	20	0	1	1	0
20	Thành phố Thái Nguyên	39.461	38.030	556	875	38.765	27.394	11.292	79	696	684	12
21	Thành phố Sông Công	11.743	11.252	41	450	11.499	9.252	2.243	4	244	242	2
22	Thành phố Phổ Yên	25.782	19.472	5.380	930	25.337	19.511	5.539	287	445	425	20
23	Huyện Phú Bình	28.085	26.631	1.245	209	27.826	19.530	8.274	22	259	255	4
24	Huyện Đồng Hỷ	15.567	14.303	784	480	15.260	11.567	3.674	19	307	307	0
25	Huyện Phú Lương	22.194	19.800	2.088	306	21.964	15.965	5.990	9	230	230	0
26	Huyện Đại Từ	22.551	19.122	1.945	1.484	21.704	16.763	4.898	43	847	845	2
27	Huyện Võ Nhai	14.517	13.799	453	265	14.264	10.245	4.004	15	253	253	0
28	Huyện Định Hóa	21.976	21.563	22	391	21.656	15.938	5.709	9	320	320	0
	Tổng	299.869	263.751	22.497	13.621	287.676	202.361	84.315	1.000	12.193	12.119	74